

BÁO CÁO

Báo cáo 05 năm thực hiện Kết luận số 65-KL/TW ngày 30/10/2019 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TW ngày 12/3/2003 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX về công tác dân tộc trong tình hình mới

Thực hiện công văn số 2613/UBND ngày 30/9/2024 của UBND huyện Sơn Tây về việc báo cáo sơ kết 05 năm thực hiện Kết luận số 65-KL/TW ngày 30/10/2019 của Bộ chính trị; UBND xã báo cáo kết quả như sau:

I. TÌNH HÌNH CHUNG

1. Tình hình chung về đồng bào dân tộc thiểu số (DTTS)

Sơn Bua là một xã nằm ở phía Bắc của huyện Sơn Tây. Xã có 03 thôn , 12 khu dân cư; Xã có tổng diện tích tự nhiên 5.097,75ha., có tứ cận như sau: Phía Bắc giáp: xã Trà Xanh, huyện Trà Bồng, tỉnh Quảng Ngãi, Phía Đông giáp: xã Sơn Mùa, huyện Sơn Tây, tỉnh Quảng Ngãi. Phía Tây giáp: xã Trà Vinh, xã Trà Vân, huyện Nam Trà My, tỉnh Quảng Nam. Phía Nam giáp: Xã Đăk Nê, huyện Kon Plông, tỉnh Kon Tum và xã Sơn Liên, huyện Sơn Tây, tỉnh Quảng Ngãi. Đơn vị hành chính xã Sơn Bua gồm 03 thôn với 12 khu dân cư; Dân số toàn xã tính đến hết ngày 31/12/2023 là 1.941 nhân khẩu (với 471 hộ), xã đã và đang được thụ hưởng các chính sách đặc thù của Đảng và Nhà nước (*Xây dựng nông thôn mới, phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, xóa đói giảm nghèo bền vững*)

Trên địa bàn xã có hơn 86% là người đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống; kinh tế chủ yếu của xã là sản xuất nông nghiệp, người dân chỉ trồng được một số loại cây như: Cây cau, cây keo, bắp, lúa, một số rau màu... và chăn nuôi gia súc, gia cầm.

Tình hình đời sống nhân dân trên các thôn có đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống cơ bản ổn định, thu nhập năm sau cao hơn năm trước, nhân dân tin tưởng vào đường lối lãnh đạo của Đảng, công tác điều hành của chính quyền. Nhân dân tích cực tham gia các chương trình kinh tế xã hội ở địa phương, các phong trào thi đua yêu nước do các cấp phát động nên đã đạt được những kết quả đáng kể.

Tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội ổn định, các hoạt động sản xuất kinh tế trên địa bàn cơ bản ổn định, nhân dân luôn chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. UBND xã đã chỉ đạo Công an, Ban chỉ huy quân sự trực sẵn sàng trực chiến đấu, trực cao điểm và tổ chức tuần tra đảm bảo an ninh nông thôn, an toàn giao thông trên địa bàn xã đặc biệt trong dịp tết Nguyên Đán hàng năm, các ngày lễ lớn của đất nước. Trong 5 năm qua trên địa bàn xã không có các sự việc phức tạp hay các điểm nóng xảy ra làm ảnh hưởng đến an ninh trật tự tại địa phương.

2. Những thuận lợi, khó khăn vùng đồng bào DTTS

2.1 Thuận lợi

Được sự quan tâm đặc biệt của Đảng và Nhà nước, sự quyết tâm của toàn Đảng bộ, chính quyền, MTTQVN và các ban, ngành, đoàn thể từ xã đến thôn, sự nỗ lực của đội ngũ cán bộ, công chức và nhân dân trong toàn xã nên mặc dù tình hình kinh tế - xã hội tại địa phương gặp nhiều khó khăn nhưng vẫn tiếp tục được duy trì và phát triển, một số chỉ tiêu Nghị quyết thực hiện đạt theo kế hoạch.

Kết quả thực hiện dự án xây dựng cơ sở hạ tầng đã cơ bản đáp ứng yêu cầu phục vụ phát triển sản xuất và cải thiện đời sống nhân dân; góp phần tăng thêm cơ sở vật chất thiết yếu phục vụ phát triển kinh tế - xã hội toàn xã, những khó khăn bức xúc của nhân dân được giải quyết từng bước; từ đó góp phần ổn định an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số; tình hình kinh tế, đời sống văn hoá xã hội vùng đồng bào có nhiều chuyển biến tích cực, mức sống được nâng lên rõ rệt; các dự án hỗ trợ phát triển sản xuất được nhân dân hưởng lợi đồng tình ủng hộ và sử dụng có hiệu quả, việc tổ chức các hoạt động khuyến nông, khuyến lâm, tập huấn kỹ thuật, giúp đồng bào có thêm kiến thức ứng dụng vào phát triển sản xuất, chăn nuôi, góp phần tăng thu nhập, cải thiện.

2.2 Khó khăn

Là một xã miền núi, đa số người đồng bào DTTS có trình độ văn hóa không đồng đều đã tác động không nhỏ đến công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật, công tác vận động, tập hợp hội đoàn viên và quần chúng là đồng bào dân tộc thiểu số của các tổ chức chính trị - xã hội trên địa bàn xã, một số hộ dân vẫn còn tư tưởng trông chờ ỷ lại vào sự đầu tư, hỗ trợ của Đảng, Nhà nước. Việc đầu tư xây dựng các thiết chế văn hóa chưa đáp ứng yêu cầu. Thiên tai, dịch bệnh trên cây trồng, vật nuôi thường xảy ra. Tỷ lệ hộ nghèo, hộ cận nghèo còn cao.

3. Tâm tư, nguyện vọng, những vấn đề đặt ra của đồng bào các dân tộc ở địa phương

Tình hình tư tưởng của nhân dân trên địa bàn xã ổn định; chấp hành tốt đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, tích cực lao

động sản xuất, phát triển kinh tế và hưởng ứng các phong trào thi đua yêu nước, nhân dân tham gia đóng góp các công trình trên địa bàn xã.

II. KẾT QUẢ LÃNH ĐẠO, CHỈ ĐẠO

1. Kết quả công tác tuyên truyền, quán triệt và ban hành các văn bản lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện

Công tác tuyên truyền, quán triệt Kết luận số 65-KL/TW

Trong tình hình hiện nay chính sách dân tộc luôn được Cấp ủy đảng, chính quyền cấp xã, các tổ chức chính trị xã hội cấp xã luôn nêu cao tinh thần trách nhiệm, nhận thức sâu sắc về chiến lược phát triển vùng dân tộc thiểu số và miền núi trong tình hình mới. Thực hiện Kết luận số 65-KL/TW ngày 30/10/2019 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TW ngày 12/3/2003 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về công tác dân tộc trong tình hình mới; Nghị quyết số 88/2019/QH14 ngày 18/11/2019 của Quốc hội về phê duyệt Đề án tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021- 2030, Kế hoạch số 249-KH/TU ngày 21/01/2020 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện Kết luận số 65-KL/TW, Nghị quyết số 02-NQ/TU ngày 17/8/2021 của BCH Đảng bộ tỉnh khóa XX về tiếp tục đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội, giảm nghèo bền vững ở các huyện miền núi; Nghị quyết số 06-NQ/TU ngày 04/4/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy khóa XX về công tác dân tộc, Ủy ban nhân dân xã nghiêm túc tổ chức triển khai, quán triệt đến toàn thể cán bộ, công chức, viên chức và người lao động nhằm tiếp tục nâng cao nhận thức cho cán bộ, công chức, viên chức và nhân dân về công tác dân tộc.

Tăng cường công tác tuyên truyền, vận động và giáo dục bằng nhiều hình thức phù hợp làm cho cán bộ, đảng viên và đồng bào dân tộc thiểu số về những thành tựu kinh tế - xã hội của địa phương, củng cố lòng tin của đồng bào vào sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý điều hành của Nhà nước; phát huy truyền thống đại đoàn kết các dân tộc, ý thức tự lực, tự cường, phấn đấu vươn lên thoát nghèo, làm giàu cho gia đình, góp phần phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Thường xuyên cập nhật, cung cấp, phổ biến trên các phương tiện thông tin đại chúng kịp thời đường lối, chủ trương của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước, của tỉnh về công tác dân tộc; các mô hình làm kinh tế giỏi, gương người tốt, việc tốt đến cán bộ, công chức và đồng bào các dân tộc thiểu số trong xã để bà con học tập và làm theo, không ngừng nâng cao nhận thức, tạo sự đồng thuận xã hội, góp phần phát triển kinh tế - xã hội, ổn định chính trị vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

Phát huy vai trò, vị trí của già làng, người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số trong công tác tuyên truyền, thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về công tác dân tộc, nhất là việc thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TU ngày 04/4/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy khóa XX về công tác dân tộc, Kế hoạch số 249-KH/TU ngày 21/01/2020 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện Kết luận số 65-KL/TW. Triển khai thực hiện có hiệu quả các chính sách, chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và

miền núi. Tăng cường phát triển kinh tế, đẩy nhanh công tác giảm nghèo. Phát triển đồng bộ các lĩnh vực giáo dục, y tế, văn hóa, xã hội vùng dân tộc thiểu số.

2. Công tác phối hợp thực hiện công tác dân tộc, công tác dân vận

Các chính sách dân tộc được thực hiện công khai, dân chủ từ cơ sở, đầu tư đúng mục đích, đối tượng, đã tạo được lòng tin và hưởng ứng nhiệt tình của nhân dân.

Thường xuyên phối hợp cùng các tổ chức chính trị - xã hội xã trong công tác tuyên truyền, vận động, phổ biến các chính sách liên quan đến với người dân và đối tượng hưởng lợi của chương trình; Phối hợp với cơ quan chủ quản chương trình cấp huyện trong việc triển khai các nội dung liên quan, các dự án thành phần theo quy định thực hiện Chương trình dân tộc.

3. Công tác kiểm tra, đôn đốc, đánh giá kết quả thực hiện

Công tác kiểm tra, đôn đốc, đánh giá kết quả thực hiện được thực hiện thường xuyên theo hàng năm.

III. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHỦ TRƯỞNG, CHÍNH SÁCH

1. Kết quả đầu tư hỗ trợ phát triển kinh tế

- Kết quả đào tạo nghề, tạo việc làm đối với đồng bào DTTS.

Hàng năm, xã chỉ đạo cán bộ, công chức phối hợp với các ngành, đoàn thể để phổ biến, quán triệt các nội dung Chương trình việc làm đến toàn thể cán bộ và nhân dân trong xã, đồng thời thông báo về việc đăng ký học nghề. Các Hội, Đoàn thể xã, các ngành thường xuyên tổ chức tuyên truyền, vận động con em hội viên, đoàn viên, con em gia đình diện chính sách, con hộ nghèo và người lao động có nhu cầu học nghề tham dự các buổi tư vấn, đăng ký học nghề, định hướng cho người lao động để giới thiệu, tạo nguồn cho các doanh nghiệp xuất khẩu lao động và làm việc trong các khu công nghiệp trong và ngoài tỉnh. Tổ chức lồng ghép vào các buổi họp thôn, khu dân cư để tuyên truyền, phổ biến và tư vấn về Chương trình việc làm người dân hiểu rõ để tham gia đăng ký học và lựa chọn nghề phù hợp.

Phối hợp với Phòng lao động huyện mở các lớp đào tạo nghề ngắn hạn nông thôn tham gia học tại xã (Năm 2022 mở 1 lớp vận hành máy nông nghiệp với 29 học viên tham gia học, năm 2023 mở 1 lớp Chăn nuôi và trồng trọt với 31 học viên tham gia học, năm 2024 đã mở 02 lớp học chăn nuôi gia súc, gia cầm, có 82 học viên tham gia lớp học).

- Thực hiện chính sách tín dụng ưu đãi đối với hộ nghèo, cận nghèo, các dự án phát triển sản xuất, kinh doanh vùng đồng bào DTTS.

+ Tổng dư nợ cho vay chính sách ưu đãi của NHCSXH trên địa bàn là 10.756.227.135 đồng, trong đó:

+ GQVL là 2.090.400.000 đồng với 60 lao động

+ Hộ Nghèo là 3.446.000.000 đồng với 122 hộ gia đình

- + Hộ cận nghèo là 850.000.000 đồng với 25 hộ gia đình
- + Hộ thoát nghèo là 495.000.000 đồng với 16 hộ gia đình
- + Nhà ở 167: 186.827135 đồng với 26 hộ gia đình
- + Nhà ở 33 là 195.000.000 đồng với 9 hộ gia đình
- + Hộ gia đình sản xuất kinh doanh tại vùng khó khăn là 2.923.500.000 đồng với 66 hộ gia đình
- + Nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn là 469.500.000 đồng với 25 hộ gia đình
- + Dân tộc thiểu số miền núi là 100.000.000 đồng với 2 hộ gia đình

2. Kết quả phát triển văn hóa, giáo dục và đào tạo, chăm sóc sức khỏe nhân dân

Công tác Phổ cập giáo dục luôn duy trì giữ chuẩn phổ cập tiểu học đúng độ tuổi, phổ cập THCS qua các năm, thực hiện mở lớp xóa mù chữ (mở 01 lớp với 13 học viên). Mô hình trường bán trú được thành lập và đi vào hoạt động từ năm 2017, chất lượng giáo dục, chăm sóc, nuôi dưỡng học sinh ngày càng được cải thiện. Hiện đã khắc phục tình trạng học sinh bỏ học, đi học theo kiểu già gạo, luôn duy trì đảm bảo sĩ số học sinh qua các năm, tỉ lệ tuyển sinh đầu cấp, tỉ lệ tốt nghiệp THCS đạt ở mức cao (100%). Thực hiện đảm bảo các chính sách hỗ trợ phát triển giáo dục đối với vùng khó khăn, vùng dân tộc thiểu số và đối tượng được hưởng chính sách xã hộ của Nhà nước theo quy định tại: Thông tư số 42/2013/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH-BTC ngày 31/12/2013 Quy định chính sách về giáo dục đối với người khuyết tật; Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 Quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ rong lĩnh vực giáo dục, đào tạo; Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ; Nghị quyết số 19/2021/NQ-HĐND ngày 21 tháng 7 năm 2021 của HĐND tỉnh Quảng Ngãi về việc quy định khoảng cách và địa bàn làm căn cứ xác định học sinh không thể đi đến trường và trở về nhà trong ngày; tỷ lệ khoán kinh phí phục vụ việc nấu ăn cho học sinh trường phổ thông dân tộc bán trú và trường phổ thông có tổ chức nấu ăn tập trung cho học sinh là đối tượng được hưởng chính sách; Nghị định số 61/2006/NĐ-CP ngày 20 tháng 6 năm 2006 của Chính phủ về chính sách đối với nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục công tác ở trường chuyên biệt, vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn...

- Công tác phát triển y tế tại địa phương tiếp tục được quan tâm, đội ngũ cán bộ y tế đảm bảo; trong đó có 01 bác sĩ, 02 y sĩ, 01 hộ sinh); duy trì trạm y tế đạt chuẩn quốc gia về y tế; tỷ lệ tham gia bảo hiểm y tế đến 31/12/2023 đạt 100%; cơ sở vật chất ở trạm cơ bản đảm bảo nhu cầu khám chữa bệnh ban đầu cho nhân dân..

- Trên địa bàn xã có 01 nhà văn hóa xã và 03/03 thôn đã có nhà văn hóa thôn được trang bị cơ bản đủ thiết bị phục vụ tốt nhất cho nhu cầu sinh hoạt, hội họp của địa phương.

3. Công tác đảm bảo an ninh trật tự và đối ngoại nhân dân

Công tác nắm tình hình các vụ việc tranh chấp liên quan đến người đồng bào dân tộc thiểu số được thực hiện kịp thời. Thực hiện hòa giải thành công các vụ việc tại địa bàn khu dân cư. UBND xã cũng đã tăng cường công tác tuyên truyền cho đồng bào về chính sách, pháp luật liên quan đến khiếu nại, đất đai để nhân dân hiểu và tự giác chấp hành. - Tiếp tục công tác đấu tranh kiên quyết không để xảy ra các “điểm nóng”, “điểm phức tạp” về an ninh trật tự. Trong những năm qua, trên địa bàn xã không có tổ chức, cá nhân hoạt động chống Đảng, chính quyền, phá hoại kinh tế; truyền đạo trái pháp luật, khiếu kiện đông người. Tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn được giữ vững và ổn định. Duy trì lực lượng trực tại trụ sở UBND xã 24/24. Phát động có hiệu quả phong trào quần chúng bảo vệ ANTQ gắn với phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống ở khu dân cư”, chủ động giải quyết các vụ việc xảy ra trên địa bàn, làm tốt công tác tuyên truyền và đấu tranh, phòng ngừa các loại tội phạm.

4. Kết quả xây dựng hệ thống chính trị, xây dựng đội ngũ cán bộ người dân tộc thiểu số và phát huy vai trò của người có uy tín

Công tác phát triển nguồn nhân lực sắp xếp cán bộ, công chức theo đúng chức năng, nhiệm vụ được phân công. Các chế độ chính sách đối với cán bộ, công chức được quan tâm giải quyết. Công tác đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, trình độ lý luận chính trị, kiến thức quản lý Nhà nước cho cán bộ, công chức được chú trọng.

Hiện nay đảng viên trên địa bàn xã: 106 đảng viên, trong đó 80 đảng viên là người DTTS (chiếm tỷ lệ 75,4 %).

Việc phát huy vai trò của người có uy tín: Thực hiện Quyết định 28/2023/QĐ-TTg ngày 23/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 12/2018/QĐ-TTg ngày 6 tháng 03 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ về tiêu chí lựa chọn, công nhận người có uy tín và chính sách đối với người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số. Hiện nay trên địa bàn xã có 03 người có uy tín/03 thôn.

- Kết quả thực hiện dân chủ ở cơ sở: Trong những qua, UBND xã thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở, gắn với thực hiện phương châm “*Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng*”; đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, thực hiện cơ chế “Một cửa”, “Một cửa liên thông”, “Một cửa điện tử”...

5. Kết quả nâng cao năng lực, hiệu lực quản lý nhà nước về công tác dân tộc

- Triển khai thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia

+ Kết quả đạt được: Việc triển khai đồng bộ thực hiện các Chương trình

mục tiêu quốc gia với các chương trình, dự án, chính sách đầu tư vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trong giai đoạn, có ý nghĩa rất quan trọng, góp phần khai thác tiềm năng, lợi thế của địa phương, đẩy mạnh phát triển kinh tế, đảm bảo an sinh xã hội; thu hẹp dần khoảng cách về mức sống, thu nhập bình quân của xã so với bình quân của khu vực khác; góp phần phát triển toàn diện nhất là về cơ sở hạ tầng, giáo dục, đào tạo, y tế, văn hóa, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội; củng cố, tăng cường khối đại đoàn kết các dân tộc, nâng cao niềm tin của đồng bào các dân tộc đối với Đảng và Nhà nước.

+ Những khó khăn: Các chương trình MTQG có ý nghĩa quan trọng đối với vùng nông thôn, vùng đồng bào DTTS. Tuy nhiên, do còn nhiều vướng mắc, văn bản hướng dẫn của chương trình phát triển KT-XH vùng ĐBDTTS&MN chưa rõ ràng, cụ thể nên không thể giải ngân nguồn vốn thực hiện của một số dự án của Chương trình.

6. Đánh giá việc thực hiện chủ trương, chính sách

Trong những năm qua triển khai thực hiện Kết luận số 65-KL/TW, các chế độ, chính sách phát triển kinh tế đối với người DTTS trên địa bàn xã đã có những chuyển biến tích cực, kinh tế - xã hội ngày càng ngày càng phát triển, công tác quốc phòng, an ninh đảm bảo, đời sống nhân dân được nâng lên, công tác giảm nghèo đã giảm, tỷ lệ hộ nghèo giảm theo hàng năm và vượt chỉ tiêu được giao, việc tiếp cận và áp dụng khoa học kỹ thuật vào cuộc sống ngày càng cao, các lĩnh vực y tế, giáo dục, văn hóa ngày càng phát triển, đáp ứng nhu cầu sinh hoạt, đời sống văn hóa, tinh thần của Nhân dân.

7. Kết quả công tác dân vận của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội ở vùng đồng bào DTTS.

Việc thực hiện quy chế dân chủ cơ sở luôn được quan tâm thực hiện. UBND phối hợp với Mặt Trận và các đoàn thể tuyên truyền đến nhân dân và hội viên của các đoàn thể. Nhân dân tham gia sinh hoạt, họp tại các thôn và tham gia bàn, đóng góp ý kiến vào các công trình giao thông, Nghị quyết phát triển kinh tế - xã hội hàng năm, các chương trình của cấp trên thực hiện trên địa bàn xã.

(có phụ lục đính kèm)

Trên đây là Báo cáo 05 năm thực hiện Kết luận số 65-KL/TW ngày 30/10/2019 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TW ngày 12/3/2003 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX về công tác dân tộc trong tình hình mới trên địa bàn xã.

UBND xã kính báo cáo Phòng Dân tộc huyện theo dõi, chỉ đạo./

Nơi nhận:

- Phòng Dân tộc huyện;
- TT Đảng ủy;
- TT HĐND xã;
- CT, Các phó CT UBND xã;
- Lưu VT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Đinh Thị Riết